

Bản án số: 18/2021/HS-ST

Ngày: 28/01/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM  
TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Huỳnh Sinh.

2. Ông Trần Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Minh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 163/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **DƯƠNG VĂN M**, sinh năm 1989 tại N. Nơi ĐKNKTT: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh N; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: chưa biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn C và bà Dương Thị E; Vợ: Nguyễn Thị G và 2 con.

Tiền án:

- Ngày 14/4/2011, Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “cướp giật tài sản” (bản án số 19/2011/HSST). Do bị cáo kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm tại bản án số 38/2011/HSPT ngày 08/6/2011. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/9/2013.

- Ngày 28/11/2014, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xét xử bị cáo 01 năm tù về tội “trộm cắp tài sản” (bản án số 129/2014/HSST), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/11/2015.

- Ngày 29/6/2016, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xét xử bị cáo 04 năm 06 tháng tù về tội “cướp giật tài sản” (bản án số 52/2016/HSST), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/02/2020.

Tiền sự: không.

Bị cáo tạm giữ từ ngày 02 tháng 4 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang- Tháp Chàm. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **DƯƠNG VĂN V**, sinh năm 1994 tại N. Nơi ĐKNKTT: thôn A, xã B,

huyện C, tỉnh N; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: chưa biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn C và bà Dương Thị E; Tiền án: Ngày 25/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” (bản án số 70/2018/HSST). Ngày 30/8/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: không.

Bị cáo tạm giữ từ ngày 02 tháng 4 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang- Tháp Chàm. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại** (đều có đơn xin xét xử vắng mặt):

1. Bà Nguyễn Thị I, sinh năm: 1957, địa chỉ: thôn 1, xã CC, huyện T, tỉnh N.

2. Bà Mai Thị Y, sinh năm: 1977, địa chỉ: khu phố x, phường Y, thành phố P, tỉnh N.

3. Bà Đỗ Thị K, sinh năm: 1961, địa chỉ: thôn xx, xã H, huyện C, Tỉnh N.

4. Chị Phan Thị M1, sinh năm: 1989, địa chỉ: thôn xy, xã MM, huyện F, tỉnh N.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ K quan:** Chị Siu Thị N, sinh năm: 1986, địa chỉ: Tổ dân phố vv, phường jj, thị xã K, tỉnh K. H (vắng mặt).

**Người làm chứng:**

1. Ông Võ L, sinh năm: 1952, địa chỉ: thôn 1, xã CC, huyện T, tỉnh N. (có mặt).

2. Ông Lê O, sinh năm: 1978, địa chỉ: khu phố x, phường Y, thành phố P, tỉnh N. (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn P, sinh năm: 1953, thôn xx, xã H, huyện C, Tỉnh N. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ông Tô Q, sinh năm: 1978, địa chỉ: khu phố xxx, phường TT, thành phố P, tỉnh N. (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 08/3/2020 đến ngày 01/4/2020, Dương Văn M và Dương Văn V cùng nhau thực hiện 4 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 20 giờ ngày 08/3/2020, V điều khiển xe mô tô hiệu Dream, màu nâu, BKS 85R9-64xx chở M tìm người dân sơ hở để cướp giật tài sản. Khi đi trên đường Thống Nhất, M và V gặp ông Võ L đang điều khiển xe mô tô chở vợ là bà Nguyễn Thị I, trên vai bà I có đeo một túi xách màu vàng cam, kích thước (20 x 15) cm. Cả hai bám theo vợ chồng bà I, đến khu vực tái định cư Bệnh viện tỉnh N thuộc khu phố AA phường BB. Ông L dừng xe trước cổng nhà con gái, rồi đi sang khu đất bên cạnh, bà I đi bộ vào nhà. Thấy vậy, V dừng xe cách nhà khoảng 15 mét rồi đứng đợi, M chạy bộ đến chỗ bà I, đứng phía sau, dùng tay phải giật đứt túi xách bà I đang đeo trên người rồi cầm túi xách bỏ chạy ra chỗ V đang chờ sẵn. V liền điều khiển xe chở M ra đường

Thông Nhất, về lại thôn A. Khi đến khu vực nương Nh đầu đường vào thôn, cả hai dừng lại kiểm tra thì thấy trong túi xách có 2.500.000 đồng, 01 chìa khóa nhà, 01 chìa khóa xe mô tô, 02 chìa khoá tủ, M ném giỏ xách và 04 chìa khóa xuống nương, còn số tiền 2.500.000 đồng được cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61/KLTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận:

- 01 túi xách màu vàng cam, kích thước(20 x 15) cm không thu hồi được có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 100.000 đồng.

- 01 chìa khóa nhà, không thu hồi được có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 30.000 đồng.

- 01 chìa khóa xe mô tô, không thu hồi được có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 30.000 đồng.

- 02 chìa khoá tủ, không thu hồi được có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 40.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản cả hai chiếm đoạt là 2.700.000 đồng.

Vật chứng: Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng của vụ án.

*Vụ thứ hai:* Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/3/2020, V điều khiển xe mô tô hiệu Dream, màu nâu, biển kiểm soát 85R9-64xx chở M tìm người dân sơ hở để cướp giật tài sản. Khi đi đến khu vực ngã 5 Phủ Hà, cả hai nhìn thấy ông Lê O đang điều khiển xe mô tô chở vợ là bà Mai Thị Y, trên vai bà Y đeo một giỏ xách chất liệu da bò màu vàng. Cả hai bám theo vợ chồng bà Y, khi đi đến gần nhà thờ Mỹ Đức, thuộc khu phố 4 phường P. M, V tăng ga vượt từ phía sau lên áp sát bên phải bà Y, M ngồi sau dùng tay trái giật đứt giỏ xách của bà Y rồi V tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy lên hướng phường Đ. Khi đi qua cầu EE, V dừng xe lại để M kiểm tra trong túi xách có 1.400.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu iPhone Plus 7 màu vàng. Do thấy điện thoại có thông báo định vị, M đã ném điện thoại và giỏ xách xuống sông, cả hai chia nhau tiêu xài hết 1.400.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61/KLTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận:

- 01 túi xách chất liệu da bò màu vàng, không thu hồi được, có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 120.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu iPhone Plus 7 màu vàng không thu hồi được, có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 5.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản cả hai chiếm đoạt là 6.520.000 đồng.

Vật chứng: cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng của vụ án.

*Vụ thứ ba:* Khoảng 14 giờ ngày 25/3/2020, M rủ V đi cướp giật tài sản, V đồng ý. Khi ngồi uống cà phê tại quán N Đ gần ngã 5 thành phố P, cả hai phát hiện ông Nguyễn P đang điều khiển xe mô tô trên đường 21 tháng 8 hướng lên Phường PM. Ông Dương chở vợ là Đỗ Thị K, bà K mang 01 túi xách màu đen. V điều khiển xe mô tô hiệu Dream, màu nâu, biển kiểm soát 85R9-64xx chở M chạy theo vợ chồng bà K. Khi đến ngã 3 chợ Tháp Chàm, thuộc khu phố 4 phường BA, thấy vắng người, V điều khiển xe từ phía sau vượt lên, áp sát phía

bên phải bà K. M ngồi sau dùng tay trái giật lấy túi xách rồi cả hai chạy lên đường đê phường BA, sau đó chạy xuống lại PM. Khi đến khu vực phía sau tòa nhà VV, cả hai dừng lại kiểm tra trong túi xách thì có 10.000.000 đồng và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu OPPO REAL ME màu xanh. M ném túi xách xuống bụi cây gần đó và lấy điện thoại về sử dụng, số tiền 10.000.000 đồng cả hai tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61/KLTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 túi xách màu xám, không thu hồi được, có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 90.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 60/KLTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO REAL ME màu xanh, có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 1.500.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản cả hai chiếm đoạt là 11.590.000 đồng.

Vật chứng: cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng của vụ án.

*Vụ thứ tư:* Khoảng 19 giờ ngày 01/4/2020, M rủ V đi cướp giật tài sản, V đồng ý rồi điều khiển xe mô tô hiệu Dream, màu nâu, biển kiểm soát 85R9-64xx chở M từ phòng trọ tại thôn A đi đến cầu Đ 1, cả hai phát hiện chị Phan Thị M1 đang điều khiển xe mô tô hiệu Dream đi một mình, ngược chiều, trên người đeo 1 túi xách có dây chéo. Thấy vậy, M kêu V quay xe lại, bám theo chị M1. Khi đến trước cơ sở ĐTH thuộc khu phố 6 phường ĐL, V tăng ga, điều khiển xe vượt lên, áp sát phải trái chị M1, M ngồi sau dùng tay phải giật đứt túi xách chị M1 đang đeo, làm chị M1 ngã xuống đường. sau khi giật được túi xách, cả hai chạy vòng ra nương Nh, hướng về quán NgĐ. Sau khi dừng lại kiểm tra, thấy bên trong túi xách 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30s màu đen, 01 đồng hồ đeo tay nữ màu đen hiệu Citizen, dây bằng kim loại, 01 kính mắt màu nâu và số tiền 190.000 đồng. cả hai mang tất cả tài sản này về lại phòng trọ của M. Tại đây, M cho V điện thoại vừa giật được để sử dụng, nhưng tài sản còn lại M cất giấu. V cầm điện thoại về phòng trọ của mình để cất giấu, sau đó quay lại phòng trọ của M. Lúc này, Siu Thị N là bạn gái của M về phòng trọ, M tặng cho Thu 01 đồng hồ, 01 kính đeo mắt, 01 túi xách vừa cướp giật được nhưng không nói với Thu về nguồn gốc những tài sản này.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61/KLTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 túi xách màu đen, có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 105.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 32/KLTS ngày 04/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30s màu đen, số seri RF8M920GSEV có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 5.346.000 đồng.

- 01 kính mắt màu nâu, mắt kính hình đa giác, có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 35.000 đồng.

- 01 đồng hồ đeo tay nữ màu đen hiệu Citizen, dây bằng kim loại hình mắt xích, mặt đồng hồ có chữ Citizen và gắn đá màu xanh trắng, có giá trị thực vào thời điểm bị cướp giật là 280.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản cả hai chiếm đoạt là 5.956.500 đồng.

Cáo trạng số 155/QĐ-VKSPR ngày 25/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm đã truy tố Dương Văn M về “tội cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 điều 171 Bộ luật Hình sự; truy tố Dương Văn V về “tội cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Dương Văn M từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 điều 171, điểm r, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự; Dương Văn V từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 171, điểm r, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự; đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô hiệu Dream, màu nâu, biển kiểm soát 85R9-64xx; đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 khẩu trang vải caro vuông có màu trắng xám xanh, 01 khẩu trang vải đen, 01 ốp lưng điện thoại màu đen.

Các bị cáo và các bị hại không tham gia tranh luận.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều bày tỏ sự ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo và các chứng cứ thu thập được cho thấy, trong thời gian từ ngày 08/3/2020 đến ngày 01/4/2020, trên địa bàn thành phố P, các bị cáo Dương Văn M và Dương Văn V đã 4 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà Nguyễn Thị I, bà Mai Thị I, bà Đỗ Thị K, chị Phan Thị M1, tổng trị giá tài sản bị cướp giật là: 26.766.500 đồng. Các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, cần phải bị xử lý tương xứng với hành vi phạm tội. Các bị cáo đã sử dụng xe mô tô khi thực hiện hành vi phạm tội, nên cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng: “dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Riêng bị cáo M đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên cáo trạng truy tố bị cáo thêm tình tiết định khung tăng

nặng “tái phạm nguy hiểm” theo điểm i khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự là có cơ sở.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo V có tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội 4 lần nên có tình tiết tăng nặng “phạm tội từ hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ là tự thú ra các lần phạm tội trước, thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

Trong vụ án này, bị cáo V điều khiển xe mô tô tạo điều kiện cho bị cáo M trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật, mặt khác bị cáo M có thêm tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm, nên hình phạt của bị cáo V được xem xét thấp hơn so với bị cáo M.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Phan Thị M1 đã nhận lại 01 túi xách màu đen bị đứt quai đeo; 01 đồng hồ nữ màu đen hiệu Citizen, dây bằng kim loại hình mắt xích, mặt đồng hồ có chữ Citizen và gắn đá màu xanh trắng; 01 mắt kính; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30s màu đen cùng với số tiền 190.000 đồng. Chị Phan Thị M1 không yêu cầu bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Các bị hại còn lại: Bà Nguyễn Thị I yêu cầu các bị cáo K liên đới bồi thường 2.700.000 đồng, bà Mai Thị I yêu cầu các bị cáo K liên đới bồi thường 6.520.000 đồng, bà Đỗ Thị K yêu cầu các bị cáo K liên đới bồi thường 10.090.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường từ giai đoạn điều tra và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy công nhận sự thỏa thuận này, các bị cáo có nghĩa vụ K liên đới bồi thường cho những người bị hại.

[5] Về Xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ một số tài sản không liên quan đến vụ án và trả lại các tài sản cho chủ sở hữu: Dương Văn M, Dương Văn V và Siu Thị N là phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy nên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 khẩu trang vải caro vuông có màu trắng xám xanh và 01 khẩu trang vải đen do các bị cáo sử dụng để che mặt khi che mặt khi thực hiện các vụ cướp giật tài sản.

- 01 ốp lưng điện thoại màu đen, bên ngoài có dán hình của một người phụ nữ mặc áo sơ mi trắng không xác định được chủ sở hữu, không còn giá trị sử dụng.

- Đối với 01 biển số xe 85D1- 264.xx, cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác M làm rõ để xử lý sau.

Hội đồng xét xử xét thấy nên tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc xe Dream màu nâu, biển kiểm soát 85R9-64xx là phương tiện phạm tội của các bị cáo.

Đối với Siu Thị N, khi M tặng đồng hồ túi xách mắt kính thì N không biết

những tài sản này là do phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không đề nghị xử lý hình sự đối với N là có cơ sở.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo Dương Văn M và bị cáo Dương Văn V phạm tội “cướp giật tài sản”.

**Căn cứ vào:** Điểm d, i khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự, điểm r, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Dương Văn M 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 4 năm 2020.

**Căn cứ vào:** Điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự, điểm r, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Dương Văn V 04 (bốn) năm (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 4 năm 2020.

### **Về trách nhiệm dân sự:**

**Căn cứ vào:** Điều 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và những người bị hại.

Bị cáo Dương Văn M và bị cáo Dương Văn V có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh 2.700.000 (hai triệu bảy trăm ngàn) đồng, bà Mai Thị I 6.520.000 (sáu triệu năm trăm hai mươi ngàn) đồng, bà Đỗ Thị K 10.090.000 (mười triệu chín mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### **Về xử lý vật chứng**

**Căn cứ vào:** Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 khẩu trang vải caro vuông có màu trắng xám xanh và 01 khẩu trang vải đen.

- 01 ốp lưng điện thoại màu đen, bên ngoài có dán hình của một người phụ nữ mặc áo sơ mi trắng không xác định được chủ sở hữu, không còn giá trị sử

Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc xe Dream màu nâu, biển kiểm soát 85R9-64xx.

Các vật chứng này hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P ngày 26/11/2020.

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tiếp tục tạm giữ biên kiểm soát 85D1- 264xx để điều tra làm rõ và xử lý sau.

**Về án phí:** Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người bị hại vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh NT;
- Chi cục THADS TPP;
- VKSND TP.PRTC;
- Công an tp. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh NT;
- VKSND tỉnh NT;
- Lưu HS+ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**







**Mai Tuấn**

**Trần Hoàng K**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**



**Nguyễn Lê Anh Thư    Trần Quốc Huy**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**













## CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA





### **Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:**

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ K quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.



(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có K quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

